TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 578/2023/DS-PT
Ngày: 28-11-2023
V/v tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ.**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Văn Ngoan;**

Bà **Lưu Thị Thu Thủy.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Liễu Hạnh**-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thắm**-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023 về việc tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 336/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 820/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 05/7/2019) (có mặt);

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1948 (vắng mặt);

3.2 Anh **Huỳnh Văn T2**, sinh năm 1982 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, C, Tiền Giang.

3.3 Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4 Anh **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, C, tỉnh Tiền Giang.

3.5 Chị **Huỳnh Thị L1**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.6 Chị **Nguyễn Thị Bích H2**, sinh năm 1977 (vắng mặt);

3.7 Em **Huỳnh Hữu S**, sinh ngày 26/7/2003 (vắng mặt);

3.8 Em **Huỳnh Hữu T3**, sinh ngày 13/02/2010.

Người đại diện theo pháp luật của em T3: Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, C, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Huỳnh Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông Huỳnh Văn T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/05/1997 với diện tích 5.520 m^2, thuộc thửa số 768, tờ bản đồ số 03, đất lúa, toạ lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguyên nguồn gốc thửa đất trên là do ông T khai hoang phần đất bờ mìn, vành đai bảo vệ khu căn cứ Đ sau năm 1975.

Khoảng năm 2000, ông Huỳnh Văn Đ (là anh ruột) xin ông T cho con là Huỳnh Văn T1 xây dựng nhà ở nhờ vì chưa có tuổi để cất nhà, chờ khi nào anh T1 đủ tuổi làm nhà (40 tuổi) thì sẽ trả lại. Việc cho ở nhờ các bên chỉ thỏa thuận lời nói không có làm văn bản. Khi anh T1 đủ tuổi làm nhà, ông T có yêu cầu trả lại đất nhưng ông Đ và anh T1 không trả. Sau khi ông Đ chết, anh T1 tự ý yêu cầu công chức địa chính đến phần đất anh đang ở nhờ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh và công chức địa chính cho biết phần đất anh đang ở thuộc quyền sử dụng đất của ông T. Sau đó ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh T1 và các thành viên trong gia đình phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình nhà ở, vật dụng gia đình trả lại diện tích đất 88,9 m^2. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 270/2022/DS-ST ngày 15/07/2022 của Toà án nhân dân huyện C chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc anh Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Bích H2, Huỳnh Văn S1 trả lại diện tích 88,9m^2 và buộc tháo dỡ di dời căn nhà, ghi nhận

ông T hỗ trợ di dời là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên anh T1 kháng cáo nên bị toà án cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm với lý do thực tế gia đình anh T1 sử dụng tổng diện tích đất là 487,1m^2 (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/03/2023) lớn hơn diện tích đất khởi kiện của ông T lúc đầu. Nay ông T khởi kiện bổ sung yêu cầu anh T1 cùng vợ con tháo dỡ di dời căn nhà, chuồng dê để trả lại diện tích đất 487,1m^2 cho ông T và đồng ý hỗ trợ cây trồng trên đất theo biên bản thẩm định định giá ngày 22/06/2023 là 16.907.000 đồng, không đồng ý hỗ trợ di dời nhà và chuồng dê.

Bị đơn là anh Huỳnh Văn T1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông Huỳnh Văn H3 (ông nội của anh T1) khai khẩn trước năm 1965, sau đó do chiến tranh nên đi tản cư. Sau năm 1975, cha anh là ông Huỳnh Văn Đ và chú ruột là ông Huỳnh Văn T về khai hoang phần đất trước đây của ông nội để sản xuất. Thửa đất của cha anh (là ông Đ) khai hoang có diện tích là 487,1m^2 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/03/2023. Thời gian đầu cha anh trồng rẫy, đến năm 1994 cho lại anh Huỳnh Văn L, sau đó anh L có mua phần đất khác nên trả lại đất cho ông Đ. Đến năm 2000 ông Đ cho lại anh, từ đó anh sinh sống và canh tác trên phần đất này cho đến nay. Năm 1997 ông T tự ý đăng ký kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn cả phần đất tranh chấp, gia đình anh hoàn toàn không biết. Đến năm 2019 anh tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì mới biết phần đất này thuộc quyền sử dụng đất của ông T. Từ khi biết đất thuộc quyền sử dụng đất của ông T anh cũng không có khiếu nại gì đến chính quyền. Nay ông T khởi kiện yêu cầu anh và vợ con anh trả lại đất cho ông T, anh không đồng ý vì đất này là của ông Huỳnh Văn Đ đã cho cá nhân anh. Nay anh yêu cầu Toà án công nhận diện tích đất 487,1m^2 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/03/2023 là của anh và được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, đề nghị Uỷ ban nhân dân điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T4 đứng tên để phù hợp với thực tế sử dụng.

Nếu giả sử Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T4, anh T1 đồng ý tự nguyện tháo dỡ di dời căn nhà, chuồng dê không yêu cầu tiền hỗ trợ di dời. Không yêu cầu giải quyết công sức bồi thố trên đất. Yêu cầu ông T4 hoàn trả giá trị cây trồng trên đất cho anh theo biên bản thẩm định và định giá ngày 22/06/2023. Anh T5 thống nhất phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/03/2023, không yêu cầu đo đạc lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C, Huỳnh Thị L1, ông Huỳnh Văn T2, Nguyễn Văn H1, Huỳnh Văn L, Nguyễn Thị Bích H2, Huỳnh Hữu S cùng trình bày:

Nguyên phần đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn Đ khai hoang, sau đó cho lại anh T5 canh tác từ năm 2000 cho đến nay. Nay tất cả đều không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T4. Thống nhất với ý kiến của anh T5.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông bà là hàng xóm của gia đình ông Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T1 và đều sinh sống tại địa phương trước năm 1975 đến nay. Theo ông A và ông Ú thì sau năm 1975, các ông có thấy ông Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn Đ khai phá bờ mìn căn cứ Đ, ai khai phá trước sau, diện tích mỗi người khai phá được bao nhiêu không rõ, cũng không biết việc hoán đổi đất và ai ở trên đất. Còn theo bà B thì sau năm 1975, gia đình bà có khai hoang phần đất cùng ấp với phần đất mà ông Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn Đ cùng khai phá, ông Đ khai phá trước, ông T khai phá sau đất bờ mìn căn cứ Đ, diện tích mỗi người khai phá được bao nhiêu không rõ, cũng không biết rõ việc hoán đổi đất, bà chỉ biết có con ông Đ là Huỳnh Văn L và hiện nay là Huỳnh Văn T1 ở.

Bản án dân sự sơ thẩm số 336/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, Điều 5, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 100 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T.

- Buộc anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2 và em Huỳnh Hữu S, Huỳnh Hữu T3 trả lại cho ông Huỳnh Văn T 487,1 m^2 đất thuộc thửa số 768 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/03/2023, nằm trong diện tích 5.520 m^2, tờ bản đồ số 03, đất 2L, tại ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I855201 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/05/1997 cho ông Huỳnh Văn T. Có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp với đường bê tông;

+ Hướng Tây giáp với đất ông Nguyễn Văn N;

+ Hướng Bắc giáp với đường bê tông;

+ Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 768 do ông Huỳnh Văn T đứng tên.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2 và em Huỳnh Hữu S, Huỳnh Hữu T3 tháo dỡ, di dời căn nhà có diện tích 9,9 m x 6,7 m = 66,33 m^2 kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền đất, mái tole xi măng, vách tole; Chuồng dê diện tích 5,44m^2 kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền đất, mái tôn, vách gỗ cây tạp.

2/ Ghi nhận việc ông Huỳnh Văn T cho anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2 và em Huỳnh Hữu S, Huỳnh Hữu T3 lưu cư trong thời gian 30 ngày tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Việc trả đất và tháo dỡ, di dời sau khi án có hiệu lực pháp luật là 30 ngày.

3/ Ghi nhận ông Huỳnh Văn T hỗ trợ giá trị cây trồng trên phần đất tranh chấp cho anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2, em Huỳnh Hữu S và Huỳnh Hữu T3 là 16.970.000 đồng theo biên bản thẩm định và định giá ngày 22/06/2023.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người có nghĩa vụ thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Huỳnh Văn T1 về việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 487,1 m^2, tại ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 07/9/2023, bị đơn anh Huỳnh Văn T1 có đơn kháng cáo với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của anh.

*Tại phiên tòa, bị đơn anh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2] . Về nội dung kháng cáo xét thấy:

Ông T yêu cầu anh T1 cùng các thành viên trong hộ gia đình di dời nhà, các công trình trên đất và cây trồng trên đất, trả lại cho ông diện tích đất 487,1m^2 và ông đồng ý hỗ trợ cây trồng trên đất theo biên bản thẩm định và định giá 22/06/2023. Còn anh T1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn mà có đơn phản tố yêu cầu Tòa án xác định phần đất tranh chấp là của anh được cha là Huỳnh Văn Đ tặng cho vào năm 2000. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Anh T5 không đồng ý và kháng cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T5, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc đất: Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 28/4/1996 do ông Huỳnh Văn T khai, nguồn gốc đất do ông bà để lại trước năm 1975 có trong mục kê và được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất xã L thống nhất xét cấp ngày 16/9/1996. Đến ngày 24/05/1997 ông Huỳnh Văn T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 5.520,0m^2 thửa số 768, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, toạ lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tại Công văn số 149/VPĐKĐ- TTLT ngày 24/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã xác định thửa số 768, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, toạ lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang là cấp cho ông Huỳnh Văn T từ thời điểm 1982-1985 đến nay chưa được chỉnh lý biến động. Như vậy có đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn T. Sau đó, ông T có cho ông Huỳnh Văn Đ mượn đất để cho con là Huỳnh Văn T1 xây dựng nhà ở nhờ là có cơ sở và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên cấp sơ thẩm buộc anh Huỳnh Văn T1

cùng các thành viên trong hộ gia đình trả lại phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 487,1 m^2 là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật.

Về các tài sản trên đất: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận là nguyên đơn bồi thường giá trị cây trồng trên đất cho gia đình anh T1 theo biên bản thẩm định, định giá ngày 22/6/2023 nên được ghi nhận. Còn chi phí di dời nhà, chuồng dê và công sức bồi thố trên đất anh T1 không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

Anh T5 kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu kháng cáo của anh không có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T5, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[4] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Văn T1.

Giữ nguyên bản án số 336/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 5, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 100 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T.

Buộc anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2, em Huỳnh Hữu S và Huỳnh Hữu T3 trả lại cho ông Huỳnh Văn T 487,1 m^2 đất thuộc thửa số 768 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/03/2023, nằm trong diện tích 5.520 m^2, tờ bản đồ số 03, đất 2L, tại ấp L, xã L, huyện C, Tiền

Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 855201 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/05/1997 cho ông Huỳnh Văn T. Có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp với đường bê tông;

+ Hướng Tây giáp với đất ông Nguyễn Văn N;

+ Hướng Bắc giáp với đường bê tông;

+ Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 768 do ông Huỳnh Văn T đứng tên.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2, em Huỳnh Hữu S và Huỳnh Hữu T3 tháo dỡ, di dời căn nhà có diện tích 9,9 m x 6,7 m = 66,33 m^2 kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền đất, mái tole xi măng, vách tole; Chuồng dê diện tích 5,44m^2 kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền đất, mái tôn, vách gỗ cây tạp.

2/ Ghi nhận việc ông Huỳnh Văn T cho anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2 và em Huỳnh Hữu S, Huỳnh Hữu T3 lưu cư trong thời gian 30 ngày tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Việc trả đất và tháo dỡ, di dời sau khi án có hiệu lực pháp luật là 30 ngày.

3/ Ghi nhận ông Huỳnh Văn T hỗ trợ giá trị cây trồng trên phần đất tranh chấp cho anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Bích H2 và em Huỳnh Hữu S, Huỳnh Hữu T3 là 16.970.000 đồng theo biên bản thẩm định và định giá ngày 22/06/2023.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người có nghĩa vụ thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Huỳnh Văn T1 về việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 487,1 m^2 tại ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

5/ Về án phí:

Anh Huỳnh Văn T1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011758 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Như vậy anh T1 đã nộp xong án phí.

Ông Huỳnh Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông T được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 01586 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh T5 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh T5 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011895 ngày 07/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

6/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thơ